

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/DS-ST
Ngày: 06 / 5 / 2020
“V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tâm;
2. Ông Võ Lâm Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 434/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2019 về “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2020/QĐST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (sau đây được viết tắt là DBank); địa chỉ trụ sở chính: số A, đường P, Phường A, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành L, chức vụ: Nhân viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Phòng Giao dịch C; là người đại diện theo ủy quyền (theo Quyết định ủy quyền số 122/QĐ-DAB-HĐQT ngày 27/4/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị DBank; Quyết định ủy quyền thường xuyên số 1269/QĐ-DAB-PC ngày 26/7/2016 của Tổng giám đốc DBank và Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng ngày 31/10/2019 của Giám đốc DBank – Phòng Giao dịch C); có mặt.

Bị đơn: Bà Lê Thị Bé S, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng, vào ngày 04/5/2018, DBank – Phòng Giao dịch C và bà Lê Thị Bé S có ký kết hợp đồng tín dụng số 00698575/0131644001T18103 ngày 04/5/2018. Theo đó, Ngân hàng cho bà S vay số tiền 20.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng; thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày 04/5/2018 đến hết ngày 04/5/2019 với hình thức tín chấp; lãi suất vay trong hạn 10%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; trả nợ gốc và lãi định kỳ hàng tháng, từ tháng 5/2018 đến tháng 4/2019 trả 1.840.000 đồng/tháng; riêng ngày 04/5/2019 trả số tiền 1.760.000 đồng.

Căn cứ hợp đồng tín dụng đã ký kết, Ngân hàng giải ngân bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản của bà S mở tại Ngân hàng vào ngày 04/5/2018 và bà S đã nhận đủ số tiền vay 20.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 10/10/2018, bà S trả được nợ gốc 6.283.078 đồng, tiền lãi 1.076.922 đồng và ngưng thanh toán từ ngày 11/10/2018 cho đến nay. Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 21/10/2018.

Tính đến ngày 26/02/2020, bà S còn nợ Ngân hàng 16.821.159 đồng, trong đó, nợ gốc 13.716.922 đồng, nợ lãi trong hạn 923.078 đồng, nợ lãi quá hạn 2.181.159 đồng.

Vì vậy, DBank yêu cầu bà S trả cho DBank số nợ gốc 13.716.922 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 26/02/2020 gồm: nợ lãi trong hạn 923.078 đồng, nợ lãi quá hạn 2.181.159 đồng và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 00698575/0131644001T18103 ngày 04/5/2018 trên số dư nợ chưa thanh toán kể từ ngày 27/02/2020 cho đến khi thi hành án xong. Trường hợp đến hạn trả nợ, bà S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho DBank thì ông Nguyễn Văn H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà S.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00698575/0131644001T18103 ngày 04/5/2018 (bản photo); đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn ngày 09/4/2018 (bản photo); danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 04/5/2018 (bản photo); giấy đề nghị chi vay góp qua tài khoản thẻ ngày 04/5/2018 (bản photo) và các giấy tờ khác có liên quan.

- Bị đơn bà Lê Thị Bé S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày ý kiến như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Đồng thời, yêu cầu bà S trả cho DBank số tiền nợ gốc 13.716.922 đồng, tiền lãi tạm tính đến hết ngày 06/5/2020 gồm: tiền lãi trong hạn 923.078 đồng, tiền lãi quá hạn 2.582.198 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 00698575/0131644001T18103 ngày 04/5/2018 trên số dư nợ chưa thanh toán kể từ ngày 07/5/2020 cho đến khi thi hành án xong. Trường hợp đến hạn trả nợ, bà S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho DBank thì ông H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà S.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Lê Thị Bé S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà S, ông H là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Việc xác lập hợp đồng tín dụng số 00698575/0131644001T18103 ngày 04/5/2018 giữa DBank – Phòng Giao dịch C với bà S được tiến hành trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận và được giải ngân vào ngày 04/5/2018 với số tiền 20.000.000 đồng.

Sau khi vay, bà S trả được nợ gốc 6.283.078 đồng và tiền lãi 1.076.922 đồng rồi ngưng không trả tiếp.

Cho nên, việc Ngân hàng khởi kiện bà S yêu cầu trả nợ gốc và nợ lãi tính đến hết ngày 06/5/2020 với tổng số tiền 17.222.198 đồng, gồm nợ gốc 13.716.922 đồng, nợ lãi 3.505.276 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng ngày 04/5/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự.

Về biện pháp bảo đảm, ông H là người bảo lãnh cho bà S vay tiền, trong trường hợp bà S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì ông H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà S theo quy định tại các Điều 335, 342 Bộ luật Dân sự. Cho nên, việc Ngân hàng yêu cầu đòi với ông H là có căn cứ.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 335, 342, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của DBank.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* DBank khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Bé S trả nợ vay. Bà S đang cư trú trên địa bàn huyện C nên yêu cầu kiện của DBank thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Trước khi phiên tòa được mở, bà S, ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà S, ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản:

Hợp đồng tín dụng số 00698575/0131644001T18103 ngày 04/5/2018 giữa DBank – Phòng giao dịch C với bà S được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được ký kết.

Về thực hiện hợp đồng, trên cơ sở hợp đồng tín dụng số 00698575/0131644001T18103 ngày 04/5/2018, bà S được DBank giải ngân số tiền 20.000.000 đồng thông qua qua danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 04/5/2018. Sau khi vay, bà S có trả cho Ngân hàng được số nợ vốn 6.283.078 đồng và nợ lãi 1.076.922 đồng rồi ngưng không thanh toán tiếp. Cho nên, bà S còn nợ DBank nợ vốn 13.716.922 đồng và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 06/5/2020 là 3.505.276 đồng, trong đó, lãi trong hạn 923.078 đồng và lãi quá hạn 2.582.198 đồng.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Do bà S vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên DBank khởi kiện yêu cầu bà S trả nợ là phù hợp với nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết, quy định tại các Điều 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Về biện pháp bảo đảm, theo văn bản đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 09/4/2018 do bà S lập, ông H cam kết, trường hợp bà S không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, ông H sẽ trả nợ thay cho DBank cho đến khi hết nợ.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của DBank; buộc bà S trả cho DBank nợ vốn 13.716.922 đồng và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 06/5/2020 là 3.505.276 đồng, trong đó, lãi trong hạn 923.078 đồng, lãi quá hạn 2.582.198 đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng số 00698575/0131644001T18103 ngày 04/5/2018 kể từ ngày 07/5/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp đến hạn trả nợ, bà S không thực hiện

nghĩa vụ trả nợ cho DBank thì ông H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà S theo quy định tại các Điều 335, 342 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bé S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng là 861.100 đồng.

DBank không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho DBank số tiền tạm ứng án phí 403.800 đồng mà DBank đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 335, 342, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Buộc bà Lê Thị Bé S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ nợ vốn và lãi của khoản vay như sau:

- Tiền lãi tính đến hết ngày 06/5/2020: 3.505.276 (ba triệu, năm trăm lẻ năm nghìn, hai trăm bảy mươi sáu) đồng, trong đó, lãi trong hạn 923.078 (chín trăm hai mươi ba nghìn, không trăm bảy mươi tám) đồng và lãi quá hạn 2.582.198 (hai triệu, năm trăm tám mươi hai nghìn, một trăm chín mươi tám) đồng;

- Vốn gốc: 13.716.922 (mười ba triệu, bảy trăm mười sáu nghìn, chín trăm hai mươi hai) đồng và tiền lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 00698575/0131644001T18103 ngày 04/5/2018 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Phòng Giao dịch C và bà Lê Thị Bé S kể từ ngày 07/5/2020 cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp đến hạn trả nợ, bà Lê Thị Bé S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Văn H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ thay cho bà Lê Thị Bé S.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Bé S phải chịu 861.100 (tám trăm sáu mươi một nghìn, một trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 403.800 (bốn trăm lẻ ba nghìn, tám trăm) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0007717 ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Lê Thị Bé S, ông Nguyễn Văn H được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. C;
- Các đương sự;
- Người đại diện hợp pháp của đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thái Chí Bình